TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/DS-PT
Ngày 19/3/2019
"Về việc: tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phùng Thị Ái Nguyên**

Các Thẩm phán: Ông Vũ Tiến Bằng

Ông Tạ Văn Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phú *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Tôn Thị Thanh Hương-*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.*

Ngày19 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 75/2018/TLPT-DS ngày17 tháng 12 năm 2018 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay T sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2019/PT-DS ngày 01/3 /2019 giữa các đương sự:

Nguyên Đơn: **Ông Hà Xuân T,** sinh năm 1948.

Địa chỉ: Khu 8, xã X, thành phố Y, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Thanh D,** sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 4, xã X, thành phố Y, tỉnh Phú Thọ..

- Người kháng cáo: chị Nguyễn Thị Thanh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án ông Hà Xuân T trình bày: Ngày 05/12/2016 ông có cho chị D vay số tiền 20.000.000đ thời hạn vay từ ngày 05/12/2016 đến ngày 05/12/2017 trả, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, chị D đã viết giấy biên nhận vay tiền, quá hạn ông đòi nhiều lần chị D không trả. Nay ông yêu cầu chị D thanh toán đủ số tiền gốc 20.000.000đ không yêu cầu lãi.

Phía chị D thừa nhận ngày 05/12/2016 chị có ký giấy nợ ông T số tiền 20.000.000đ. tuy nhiên số nợ này đã được vợ chồng chị và ông T gộp vào chung cả gốc và lãi bằng giấy vay nợ mà vợ chồng chị đã ký vay ông T ngày 05/5/2017. Ngày 08/6/2017 vợ chồng chị đã trả cho ông T 60.000.000đ, số tiền còn lại 10.000.000đ ông T hứa sẽ xóa nợ cho vợ, chồng chị không đòi nữa. Đến ngày 25/5/2018 anh, chị nhận được giấy báo của Tòa án thì anh, chị mới biết ông T kiện đòi chị nợ ông T số tiền 20.000.000đ. Nay chị không đồng ý trả vì ông T 20.000.000đ vì số tiền này đã gộp vào giấy nhận nợ của vợ chồng ghi nợ ông T ngày 05/5/2017, đến nay chỉ còn nợ ông T 10.000.000đ mà ông T hứa xóa nợ cho vợ, chồng chị.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018 ngày 27/8/2018 Tòa án nhân dân thành phố Y đã áp dụng các Điều 471, khoản 4 Điều 474; Điều 463; Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Xuân T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh D phải thanh toán cho ông Hà Xuân T số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Bản án còn tuyên lãi suất chậm trả và án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2018; ngày 24/9/2018 chị D có đơn kháng cáo không nhất trí toàn bộ quyết định của bản án dân sự sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay anh Hùng, chị D giữ nguyên nội D đã kháng cáo

Đại diện viện kiểm sát nhân dân dân tỉnh Phú Thọ có quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D. Xử giữ bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DSST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các T liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên xét thấy: Tòa án nhân dân thành phố Y xử buộc chị D phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hà Xuân T số tiền 20.000.000đ tiền gốc là có căn cứ bởi các lẽ sau: Tại giấy biên nhận ngày 05/12/2016 chị D vay của ông T số tiền 20.000.000đ có giấy biên nhận do chị D Viết thời hạn vay là một năm đến ngày 05/12/2017 trả nợ, lãi suất do hai tự thỏa thuận. Tại phiên tòa hôm nay chị D

thừa nhận có vay ông T số tiền 20.000.000đ. Nhưng chị D cho rằng vợ, chồng chị D và ông T đã thống nhất gộp cả gốc và lãi khoản nợ này vào giấy vay tiền ngày 05/5/2017 mà vợ chồng chị D đã ký nhận nợ với ông T số tiền 70.000.000đ. Đến ngày 08/6/2017 vợ chồng chị D đã trả được cho ông T số tiền 60.000.000đ, chỉ còn nợ lại số tiền 10.000.000đ ông T hứa xóa nợ cho vợ chồng chị không đòi nữa nên chị D không nhất trí trả. Phía ông T xác định không có việc như chị D trình bày do quá hạn ông T đòi nhiều lần chị D không trả ông phải khởi kiện ra Tòa.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm chị D không cung cấp được T liệu, chứng cứ gì chứng minh số tiền 20.000.000đ chị D vay ngày 05/12/2016 được gộp vào giấy nhận vay nợ ngày 05/5/2017. Do đó chị D kháng cáo không có căn cứ chấp nhận nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Chị D phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DSST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng các Điều 471, khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Xuân T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh D phải thanh toán cho ông Hà Xuân T số tiền nợ gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí: Chị D phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị D còn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000350 ngày 21/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y.

Hoàn trả lại cho ông Hà Xuân T 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005049 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Phú Thọ;*
- *TAND TP Y;*
- *Các đương sự*
- *THADS TP Y;*
- *Lưu hồ sơ ;*
- *Lưu VP.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Phùng Thị Ái Nguyên

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2019/TL-DS *Y, ngày 19 tháng 3 năm 2019*

TRÍCH LỤC BẢN ÁN DÂN SỰ

Tại bản án dân sự phúc thẩm số:10/2019/DS-PT ngày 19/3/2019. Về việc " Tranh chấp Hợp đồng vay T sản " giữa:

Nguyên Đơn: **Ông Hà Xuân T,** sinh năm 1948.

Địa chỉ: Khu 8, xã X, thành phố Y, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Thanh D,** sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 4, xã X, thành phố Y, tỉnh Phú Thọ..

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DSST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng các Điều 471, khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Xuân T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh D phải thanh toán cho ông Hà Xuân T số tiền nợ gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí: Chị D phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị D còn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000350 ngày 21/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y.

Hoàn trả lại cho ông Hà Xuân T 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005049 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
THẨM PHÁN

Phùng Thị Ái Nguyên

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Tiến Bằng **Tạ Văn Thành** **Phùng Thị Ái Nguyên**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Ái Nguyên

Các thẩm phán: Ông Vũ Tiến Bằng

Ông Tạ Văn Thành

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 75/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay T sản" giữa:

Nguyên Đơn: **Ông Hà Xuân T,** sinh năm 1948.

Địa chỉ: Khu 8, xã X, thành phố Y, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Thanh D,** sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 4, xã X, thành phố Y, tỉnh Phú Thọ..

Căn cứ vào T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DSST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng các Điều 471, khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Xuân T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh D phải thanh toán cho ông Hà Xuân T số tiền nợ gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí: Chị D phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị D còn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000350 ngày 21/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y.

Hoàn trả lại cho ông Hà Xuân T 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005049 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y.

Nghị án kết thúc vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 19 tháng 3 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Tiến Bằng **Tạ Văn Thành** **Phùng Thị Ái Nguyên**